

Bản án số: **40/2024/HNGĐ-ST**

Ngày: 13-8-2024

V/v: “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ YÊN BÁI, TỈNH YÊN BÁI**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thủy

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Quốc Vượng và bà Cao Thị Chuyên.

- Thư ký phiên tòa: Bà Hà Thị Mai Huế -Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Yên Bái, tỉnh Yên Bái.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Yên Bái tham gia phiên tòa: Bà Lương Chi Phương - Kiểm sát viên.

Ngày 13 tháng 8 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Yên Bái, mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 179/2024/TLST-HNGĐ, ngày 22 tháng 5 năm 2024 về việc “*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 33/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 16 tháng 7 năm 2024 và Thông báo về việc mở lại phiên tòa số 22/2024/TB-XX ngày 02 tháng 08 năm 2024, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Trần Thị Thanh T, sinh năm 1984.

- Bị đơn: Anh Nguyễn Chí D, sinh năm 1979.

Cùng địa chỉ: Tổ I, phường N, thành phố Y, tỉnh Yên Bái. Anh Dũng vắng mặt không có lý do; chị T vắng mặt nhưng có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 22 tháng 5 năm 2024, bản tự khai và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn - chị Trần Thị Thanh T trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Nguyễn Chí D kết hôn ngày 10-4-2010 tại Ủy ban nhân dân phường N, thành phố Y, tỉnh Yên Bái trên cơ sở tự nguyện. Sau khi kết hôn, anh chị chung sống hạnh phúc đến tháng 3-2020 thì phát sinh nhiều mâu thuẫn. Nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống, anh D không quan tâm, chia sẻ với chị trong công việc gia đình, làm ăn kinh tế. Hai vợ chồng nhiều lần cãi nhau trước mặt các con làm ảnh hưởng đến tâm lý và sự phát triển của các cháu. Mâu thuẫn đã được hai vợ chồng tự hòa giải nhiều lần nhưng vẫn không cải thiện được, tình cảm vợ chồng không còn được như trước đây. Chị T xác định tình cảm vợ chồng đã hết, đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Nguyễn Chí D.

- Về nuôi con: Chị và anh Nguyễn Chí D có 02 con chung là cháu Nguyễn Thanh V, sinh ngày 28-10-2010 và cháu Nguyễn Khánh C, sinh ngày 22-6-2017. Tại đơn khởi kiện, bản tự khai ban đầu, chị đề nghị được trực tiếp nuôi dưỡng cả hai con chung và yêu cầu anh D cấp dưỡng nuôi con số tiền là 2.000.000 đồng/01 tháng/01 con cho đến khi các con đủ 18 tuổi. Trong quá trình giải quyết vụ án, chị thay đổi ý kiến về việc nuôi con, đề nghị Tòa án giao cho chị và anh Nguyễn Chí D mỗi người nuôi một con chung, chị nuôi cháu Nguyễn Thanh V, giao cháu Nguyễn Khánh C cho anh D nuôi dưỡng. Chị và anh D không bên nào phải cấp dưỡng nuôi con.

- Về chia tài sản, nợ chung: Chị T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại biên bản lấy lời khai đề ngày 24-6-2024 và trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn - anh Nguyễn Chí D trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Anh Dũng xác nhận ngày tháng năm, địa điểm đăng ký kết hôn và những nguyên nhân dẫn đến mâu thuẫn vợ chồng như lời chị T trình bày là đúng. Quá trình chung sống, giữa anh và chị T có xảy ra mâu thuẫn nhỏ do việc làm ăn kinh tế của gia đình gặp khó khăn. Anh và chị T có lúc xảy ra tranh cãi do bất đồng quan điểm sống. Dạo gần đây, chị T và các con hàng ngày đều sang bà ngoại sinh hoạt, ăn uống đến tối thì về nhà ngủ. Từ tháng 5-2024, anh và chị T đã không nói chuyện và quan tâm đến cuộc sống của nhau nữa. Chị T làm đơn xin ly hôn, anh không đồng ý vì muốn các con có đầy đủ bố mẹ.

- Về nuôi con: Anh Dũng xác nhận có hai con chung với chị T như chị đã trình bày nêu trên là đúng. Nếu chị T kiên quyết xin ly hôn, anh đề nghị Tòa án giao cho mỗi bên nuôi dưỡng một con chung. Tòa án giao cho anh nuôi cháu nào thì anh cũng nhất trí, do các con đều là con chung của anh và chị T. Công việc chính của anh là lái xe tải, xe hợp đồng khi có người thuê, anh không có ý kiến gì về việc cấp dưỡng.

- Về chia tài sản, nợ chung: Anh Dũng không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa, Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Yên Bái phát biểu ý kiến:

+ Về tố tụng: Kể từ khi thụ lý vụ án, cho đến trước thời điểm HĐXX nghị án, các thành viên của Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã tuân thủ đầy đủ các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự; các quyền, nghĩa vụ của đương sự đã được bảo đảm.

+ Về nội dung: Đề nghị HĐXX áp dụng các Điều 28, 35, 39, khoản 4 Điều 147; các Điều 227, 228, 238, 271, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Khoản 1 Điều 56; Các Điều 81, 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình 2014; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, xử cho chị Trần Thị Thanh T được ly hôn với anh Nguyễn Chí D; Về nuôi con: Giao cháu Nguyễn Thanh V, sinh ngày 28/10/2010 cho chị T; giao cháu

Nguyễn Khánh C, sinh ngày 22/6/2017 cho anh D. Chị T, anh D có nghĩa vụ trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục các con cho đến khi đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi. Các đương sự không bên nào phải cấp dưỡng nuôi con. Về án phí, buộc nguyên đơn phải chịu án phí dân sự theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Đây là vụ án “*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con*”. Bị đơn - anh Nguyễn Chí D có hộ khẩu thường trú tại tổ I, phường N, thành phố Y, tỉnh Yên Bái. Căn cứ khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Yên Bái.

Tại phiên tòa, nguyên đơn vắng mặt nhưng có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt, bị đơn vắng mặt lần thứ hai không có lý do. Căn cứ khoản 2 Điều 227; khoản 1, khoản 3 Điều 228; Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Trần Thị Thanh T và anh Nguyễn Chí D tự nguyện đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường N, thành phố Y, tỉnh Yên Bái là hôn nhân hợp pháp. Quá trình giải quyết vụ án, các đương sự đều thừa nhận vợ chồng có mâu thuẫn, chị T cho rằng các mâu thuẫn này không thể giải quyết được, còn anh D cho rằng đó chỉ là những mâu thuẫn nhỏ nhất trong đời sống vợ chồng. Tòa án đã tiến hành hòa giải, chị T kiên quyết đề nghị Tòa án giải quyết cho ly hôn, anh D không đồng ý ly hôn nhưng cũng không đưa ra được các giải pháp để hàn gắn tình cảm vợ chồng nên Tòa án hoà giải không thành, mặt khác tại phiên hòa giải lần thứ nhất anh D có thái độ không hợp tác, tự ý bỏ về và không ký vào các biên bản hòa giải do Tòa án lập. Tại buổi hòa giải lần thứ hai, anh D không đến để tham gia hòa giải. Qua đó thể hiện anh D không có thiện chí hoà giải. Từ đó, có căn cứ cho thấy mâu thuẫn vợ chồng giữa chị T và anh D đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, yêu cầu xin ly hôn của chị T là có căn cứ, nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3] Về nuôi con: Chị T và anh D có hai con chung là cháu Nguyễn Thanh V, sinh ngày 28-10-2010 và cháu Nguyễn Khánh C, sinh ngày 22-6-2017. Chị T và anh D đều đề nghị Tòa án giao cho mỗi bên nuôi một con chung, chị T có nguyện vọng được nuôi cháu V, còn anh D đề nghị Tòa án giao cho anh nuôi cháu nào anh cũng nhất trí.

Xét nguyện vọng của chị T và anh D về việc nuôi con là chính đáng, cả chị T và anh D đều có đủ khả năng và điều kiện kinh tế để nuôi con, nên mỗi bên nuôi một con chung là phù hợp. Anh D chỉ đề nghị Tòa án giải quyết cho anh được nuôi con, nhưng không nêu cụ thể là muốn được nuôi cháu V hay cháu C; còn chị T có nguyện vọng được nuôi cháu V, cháu C chị đề nghị giao cho anh D nuôi dưỡng. Ý kiến của chị T và anh D là phù hợp với nhau. Do đó, có căn cứ chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, giao cháu Nguyễn Thanh V, sinh ngày 28/10/2010 cho chị T; giao cháu Nguyễn Khánh C, sinh ngày 22/6/2017 cho anh

D. Chị T và anh D có nghĩa vụ trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc các cháu V và C cho đến khi đủ 18 tuổi là phù hợp với quy định của pháp luật.

[4] Về mức cấp dưỡng: Do mỗi bên đương sự nuôi một con chung nên vấn đề cấp dưỡng không đặt ra.

[5] Về chia tài sản, nợ chung: Các đương sự không yêu cầu, nên HĐXX không xem xét, giải quyết.

[6] Về án phí: Nguyên đơn phải chịu án phí ly hôn theo quy định của pháp luật.

[7] Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

[8] Xét đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát tại phiên toà về việc giải quyết nội dung vụ án là có cơ sở, phù hợp với quy định của pháp luật, nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 4 Điều 147; các Điều 227, 228, 238, 271, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015;

- Căn cứ khoản 1 Điều 56; các Điều 81, 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình 2014;

- Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Trần Thị Thanh Tâm được ly hôn với anh Nguyễn Chí Dũng.

2. Về nuôi con: Giao cháu Nguyễn Thanh Vân, sinh ngày 28 tháng 10 năm 2010 cho chị Trần Thị Thanh Tâm. Giao cháu Nguyễn Khánh Chi, sinh ngày 22 tháng 6 năm 2017 cho anh Nguyễn Chí Dũng. Chị Tâm, anh Dũng có nghĩa vụ trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục các con cho đến khi các cháu Vân, Chi đủ 18 tuổi hoặc khi có sự thay đổi.

Các đương sự không bên nào phải cấp dưỡng nuôi con. Người không trực tiếp nuôi con, có quyền nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về án phí: Chị Trần Thị Thanh Tâm phải chịu 300.000 đồng tiền án phí sơ thẩm về việc ly hôn, nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng chị đã nộp theo biên lai số AA/2023/0000337 ngày 22-5-2024 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Yên Bái, tỉnh Yên Bái. Xác nhận chị Tâm đã nộp đủ tiền án phí.

4. Về quyền kháng cáo: Các đương sự (chị Tâm, anh Dũng) được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy

định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Tòa án ND tỉnh Yên Bái;
- Các đương sự (02);
- VKSND TP. Yên Bái;
- Chi cục THADS TP. Yên Bái;
- UBND p. Nguyễn Thái Học, TP. Yên Bái
- Lưu hồ sơ, TA, HCTP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Đã ký

Nguyễn Thị Thủy

